



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THO
NGUYỄN THỊ HANH
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHUÔNG

Date: _____

Orderly Departure Program
American Embassy, Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Ban Chấp Hành T.Ư.
Executive Board

KHÚC MINH THO
President
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHUÔNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HANH
Treasurer

Re: NGUYEN TRONG THU

Date of Birth: 01-27-41

IV #: 52362 NEED LOI # _____

TIME IN RE-ED. 7 yrs.

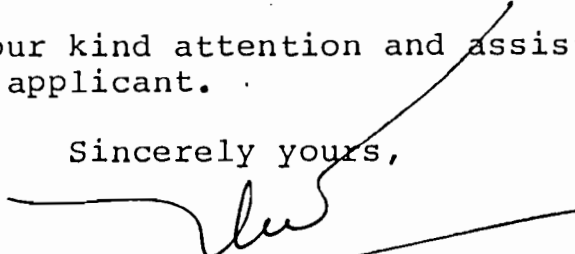
Dear Sir/Madam:

Upon request from the family of the former political prisoner in Vietnam, I am forwarding to you the enclosed document(s) to complete his record with your office. I trust that the document(s) will be sufficient.

Should you have any additional questions and/or concerns, please feel free to let us know at the above address.

Thank you very much for your kind attention and assistance in the processing of this applicant.

Sincerely yours,


Khuc Minh Tho (Mrs.)
President

Enclosures.

NOTE:--This applicant has been sponsored by MAI THI NGOC BICH.
as shown in the attachments.

- It is also requested that the Letter of Introduction
be sent to our Association at the address appeared above.

ODP CHECK FORM

Date: 3/29/89

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: Nguyễn Trọng Vũ

Date of Birth: Janv. 27 - 1941

Address in VN 185/24 3/2 st. ward 14 District 10
Hochiminh City

Spouse Name: Kiều Thị Bưởi

Number of Accompanying Relatives: 8

✓ Reeducation Time: 7 Years Months Days

IV # 5 2 3 6 2

VEWL # 0

I-171 : Yes; No. - EXIT PERMIT: Yes ; No.

Special List #

Sponsor: mai thi Ngoc Bich
Lanham MD 20706-

Remarks:
(From Mr. Sullivan)

Sincerely,

KHUC MINH THO

Tel. #

(0) -

(H)

Montreal 18. 8. 88

Kính thưa bà chủ tịch.

Hội GD TNCT/VN.

Thưa bà,

Chúng tôi trân trọng trao đến Hội 2 H&S xin
được trình cử ty nạn chính trị tại USA, người
đang dân là anh tôi tên Nguyễn Trọng Thu
ngụ tại 185/24 đường 3/2 F14 - Q 10
Thành phố Hồ Chí Minh.

Nếu có gì cần báo tin, và có gì cần chờ đợi
xin bà có thể liên lạc với anh Thu tại VN.
hay với tôi tại Canada, tại địa chỉ sau.
Nguyễn Sơn Hà

Montreal - Qué 1735142

Canada.

trân trọng cảm ơn bà

Chúc Bà cùng duy Hội đạt nhiều thành
công tốt đẹp trên đường phụng vụ đồng hương.

Kính

sha

Department of the Army



Certificate of Training

This is to certify that

Nguyen Trong Thu

has successfully completed

THE MIDDLE MANAGER'S WORKSHOP

(19 - 23 June 1972)

Given at

SAIGON CIVILIAN PERSONNEL OFFICE
HEADQUARTERS, UNITED STATES ARMY VIETNAM
MACV SUPPORT COMMAND

NGUYEN XUAN CAO *ENC*
Workshop Coordinator

Joseph T. Muffler
JOSEPH T. MUFFLER
Civilian Personnel Officer

TRƯỜNG TIẾP - VÂN





Hân Bằng, Tốt Nghiệp DIPLOMA

Chứng nhân Đại-Úy Nguyễn Trọng Thu SQ.61/105.337
BE IT KNOWN THAT

đã theo học hết quả khóa Chức Năng Quản-Lý Chương Trình do
HAS SUCCESSFULLY COMPLETED THE PROGRAM REVIEW AND ANALYSIS MANAGEMENT COURSE CONDUCTED BY
Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa và M. A. C. V là-chức
THE REPUBLIC OF VIETNAM ARMED FORCES & UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND - VIETNAM
và được cấp hân-bằng tốt-nghiệp này.
AND THAT IN TESTIMONY THEREOF HE IS AWARDED THIS DIPLOMA.

K. B. C. 40.02. ngày 2 Th 7 1971

GENERAL CREIGHTON W. ABRAMS
COMMANDER
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND - VIETNAM

Creighton W. Abrams



Đại-Tướng CAO-VĂN-VIÊN
Tổng Tham-Mưu Trưởng
Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa



BỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức
Số 393 CRT
(139)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT/G, ban hành theo công văn số 27 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 03 ngày 05 tháng 01 năm 1961 của Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Trọng Thu.

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1941.

Nơi sinh Sài Gòn.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 185/24 Đường 3-2 Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Can tội Đại úy sinh viên trường hành chính.

Bị bắt ngày 24-01-72 An phạt T201

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 185/24 Đường 3-2 Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian học tập cải tạo đã có nhiều tiến bộ, chấp hành nội quy của trại nghiêm, học tập và lao động tốt.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (Mười hai tháng)
- Thời hạn đi đường: 04 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại)
- Tiền đi đường đã cấp từ trại về đến gia đình.

(Kể từ ngày đi đường về đến gia đình)

Lên tay ngón trỏ phải
của Nguyễn Trọng Thu

Danh bản số

Lập tại



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nguyễn Trọng Thu

Ngày 18 tháng 01 năm 1972

Giám thị



Đoàn An ninh.

QUESTIONNAIRE FOR APPLICANTS (QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS)

ODP: _____

Ngày nộp hồ sơ: _____

Date: 16. Aug 88

Fill out this questionnaire in English as
completable as possible. If you cannot read
or write in English, fill it out in Vietnamese:
Điền vào sổ hỏi đáp này bằng tiếng
Việt càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không thể
học viết Anh thì điền bằng Việt

Fill out the completable
questionnaire in English
as much as possible.
If you cannot read
or write in English,
fill it out in Vietnamese
as much as possible.

A. Basic Identification Data / Lý lịch căn bản

- 1) Name
Họ tên: NGUYỄN TRUNG THỦY : M
- 2) Other name
Họ tên khác: _____
- 3) Date, place of birth
Ngày, nơi sinh: January 29th 1948 Saigon
- 4) Residence address
Địa chỉ thường trú: 120 Cx Đông Ba Ward 20 District 10 Hồ Chí Minh City
- 5) Mailing address
Địa chỉ thư: 185/24 3/2 Street Ward 14 District 10 Hồ Chí Minh City
- 6) Current Occupation
Nghề nghiệp hiện tại: DRIVER TAVIAR

B. Relatives to accompany / Người thân đi với tôi

(Note: Your spouse and unmarried children are to accompany you. List marital status () as follows: married (), divorced (), single ().)

(Ghi chú: Vợ chồng và con chưa có thể cùng đi với tôi. Ghi tình trạng hôn nhân như sau: () kết hôn () ly hôn () độc thân ().)

NAME Họ tên	Date of Birth Ngày tháng năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Giới tính	Relationship Mối quan hệ	
1. KIỀU THỊ BÓN	DECEMBER 16 th 1947	TÂN AN	F	M	MY WIFE
2. NGUYỄN TRUNG THANH TRĂNG	FEBRUARY 12 th 1963	NHA TRANG	M	S	MY SON
3. NGUYỄN NGỌC NGÀ	APRIL 14 th 1967	SAIGON	F	S	DAUGHTER
4. NGUYỄN KIỀU THU THÚY	MAY 17 th 1970	TÂN AN	F	S	DAUGHTER
5. NGUYỄN TRĂNG ĐÀI	FEBRUARY 12 th 1971	SAIGON	F	S	DAUGHTER
6. NGUYỄN TRUNG THỊ PHONG	JANUARY 18 th 1973	LONG AN	M	S	MY SON
7. NGUYỄN TRUNG XUÂN	JANUARY 10 th 1974	GIÀ ĐỊNH	M	S	MY SON
8. NGUYỄN ĐÀI TRĂNG	SEPTEMBER 13 th 1974	SAIGON	F	S	DAUGHTER

(Note: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse or death certificates (if widowed), identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below).

(Chú ý: Chúng tôi cần có bản sao rõ ràng sách vở, giấy tờ liên quan đến đời sống sinh, tử, hôn nhân (nếu lập gia đình), giấy ly hôn (nếu có), giấy giải quyết hôn nhân, giấy chứng tử (nếu có), giấy chứng nhận (nếu có), giấy tờ liên quan đến đời sống sinh, tử, hôn nhân (nếu lập gia đình), giấy ly hôn (nếu có), giấy chứng tử (nếu có), giấy chứng nhận (nếu có) và ảnh của họ không chung cư với bạn hiện tại, địa chỉ của họ để trong phần I).

C Relatives Outside Vietnam of myself/ Hò hàng ngoài Việt Nam của tôi

1) Close relative in the US/ Người thân gần gũi ở Mỹ

a/ Name/ Họ tên:

MAI THI NGOC BICH

b/ Relationship/ Quan hệ:

MAI THI NGOC BICH

c/ Address/ Địa chỉ:

LANHAM MD 20706

d/ Date of relative arrival in the US/ Ngày đến Mỹ:

1975

2) Close relative in other foreign countries/ Người thân gần gũi ở nước ngoài khác

a/ Name/ Họ tên:

NGUYEN SAN HA

b/ Relationship/ Quan hệ:

YOUNG BROTHER

c/ Address/ Địa chỉ:

MONTREAL QUEBEC CANADA

D Couple Fully Leaving (Living/Dead) / Đôi vợ chồng toàn gia đình (Sống/Mất)

1) Father/ Cha:

NGUYEN TRONG KHAN (D)

2) Mother/ Mẹ:

HO THI SUU (D)

3) Spouse/ Vợ/Chồng:

KIEU THI BON

4) Former spouse (if any) / Vợ/Chồng cũ (nếu có):

VO THI HOA

5) Children/ Con cái:

NGUYEN TRONG THANH TRANG

NGUYEN THI LE TRINH

NGUYEN NGOC NGA

NGUYEN KIEU THU THUY

NGUYEN TRANG DAI

NGUYEN TRONG THU PHONG

NGUYEN TRONG XUAN

NGUYEN DAI TRANG

6) Siblings

Anh em ruột:

NGUYỄN THỊ BA

NGUYỄN TRỌNG NIỆM

NGUYỄN TRỌNG PHÚ

E) Employment by US government agencies or other US organization of you or your spouse

Họ hoặc vợ/chồng có làm việc cho công sở của CF Mỹ hoặc không?

1) Employee Name

Tên họ nhân viên: NGUYỄN TRỌNG THU

2) Position title

Chức vụ: ASSISTANCE INSTRUCTOR

3) Employer/Company/Office

Địa điểm làm việc: BOZALEN CORPORATION (MAC V)

4) Relation for separation

lý do nghỉ việc:

5) Length of employment

Thời gian làm việc: from 1st SEPTEMBER 1971 APRIL 1972

6) Name of American supervisor

Tên họ Giám thị Mỹ:

F) Service with US or other by you or your spouse

Họ hoặc vợ/chồng có phục vụ cho quân đội Mỹ hoặc không?

1) Name of person serving

Họ tên người phục vụ: NGUYỄN TRỌNG THU

2) Date

Thời gian: from OCTOBER 3rd 1969 to APRIL 30th 1975

3) Post rank

Chức vụ hiện tại: CAPTAIN

4) Military/Police/Military Unit

Đơn vị: 534th ANNO DEPOT

5) Place of employment/Unit

Địa điểm làm việc: ERIVANCE BRANCH

6) Reason for separation

lý do nghỉ việc: 30-4-1975

7) Name of American Advisor

Tên họ cố vấn Mỹ:

8) Training courses in Vietnam

Chương trình huấn luyện tại Việt Nam: PRASE - PRASE/R

- THE MIDDLE MANAGER'S WORKSHOP

9. US award or certificates

Name of award: CERTIFICATE Date received: JUNE 23rd 1972

(Note: please attach any copies of diplomas, awards or certificates if available)

(Chú ý: xin đính kèm theo bất cứ văn bằng, giải thưởng hoặc chứng thư nếu có)

Other of 1 or 2: không

10. Training outside Vietnam of you or your spouse

Đào tạo học tập /chương trình huấn luyện ở ngoài quốc gia

- 1) Name of student /Trainee
Tên sinh viên/người tiếp nhận huấn luyện: _____
- 2) School and school address
Trường và địa chỉ trường: _____
- 3) Date
Ngày, tháng, năm: From 1/1 To 1/1
- 4) Description of courses
Mô tả về học tập: _____
- 5) Location for training
Địa điểm huấn luyện: _____

(Note: please attach copies of diplomas or others, if available.)
Nếu có, xin đính kèm theo bất cứ văn bằng, chứng thư hoặc giấy khác nếu có.

(Chú ý: xin đính kèm theo bất cứ văn bằng, chứng thư hoặc giấy khác nếu có.)

11. Education of you or your spouse

Đào tạo học tập /chương trình huấn luyện tập thể:

- 1) Name of person in education
Tên người tiếp nhận huấn luyện: NGUYỄN TRONG THÚ
- 2) Time in education
Thời gian học tập tập thể: From JUNE 24th 1975 To JANUARY 17th 1982
- 3) Still in education
Vẫn còn học tập tập thể: Yes no X

(If released, we must have a copy of release certificate)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao của giấy chứng nhận)

12. Any additional remarks / Ghi chú phụ khác

Signature: Chu

Date: 16 Aug 88

Please list here all comments attached to this questionnaire

Xin liệt kê ở đây tất cả các ý kiến kèm theo bảng hỏi này.

1 COPY OF RELEASE CERTIFICATE

Department of the Army



Certificate of Training

This is to certify that

Nguyen Trong Thu

has successfully completed

THE MIDDLE MANAGER'S WORKSHOP

(19 - 23 June 1972)

Given at

SAIGON CIVILIAN PERSONNEL OFFICE
HEADQUARTERS, UNITED STATES ARMY VIETNAM
MACV SUPPORT COMMAND

NGUYEN XUAN CAO *9110*
Workshop Coordinator

Joseph T. Muffler
JOSEPH T. MUFFLER
Civilian Personnel Officer

TRƯỜNG TIẾP - VÂN





Văn Bǎng Tốt Nghiệp DIPLOMA

Chàng nhân Đại-Uý Nguyễn Trọng Thu SQ. 61/105.337
BE IT KNOWN THAT

đã theo học hết quả khóa Chiến Lược và Quản Trị Chương Trình do
HAS SUCCESSFULLY COMPLETED THE PROGRAM REVIEW AND ANALYSIS MANAGEMENT COURSE CONDUCTED BY
Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và M. A. C. V là chức
THE REPUBLIC OF VIETNAM ARMED FORCES & UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND - VIETNAM
và do đó cấp nhân-lãng-lễ-nghiệp này.
AND THAT IN TESTIMONY THEREOF HE IS AWARDED THIS DIPLOMA.

K. B. C. 40.02. ngày 2 Th 7, 1971

GENERAL CREIGHTON W. ABRAMS
COMMANDER
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND - VIETNAM

Creighton W. Abrams



Đại-Tướng CAO-VĂN-VIÊN
Tổng Tham-Mưu Trưởng
Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa



BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001 QLTG, ban hành theo công văn số 27 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Thủ Đức

Số 399 GRT

(139)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 03 ngày 03 tháng 01 năm 1961 của Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Trọng Thu.

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1941.

Nơi sinh Sài Gòn.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 185/24 Đường 3-2 Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Can tội Đại úy sinh viên trường hành chính.

Bị bắt ngày 24-6-70 An phạt T201

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 185/24 Đường 3-2 Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian học tập cải tạo đã có nhiều tiến bộ, chấp hành nội quy của trại nghiêm, học tập và lao động tốt.

- Thời hạn quản chế: 12 tháng (Mười hai tháng)
 - Thời hạn đi đường: 04 ngày (Kể từ ngày ký giấy ra trại)
 - Tiền đi đường đã cấp từ trại về đến gia đình.
- (Kể từ ngày đi đường phải đi đường quy định)

Lên tay ngón trỏ phải

Của Nguyễn Trọng Thu

Danh bìn

Lập tại



Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Thu

Ngày 3 tháng 1 năm 1961

Giám thị



Trại Thủ Đức, Hồ Chí Minh.

QUESTIONNAIRE FOR APPLICANTS (QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS)

ODP: _____

in the month of _____

Date: 16 Aug 88

Fill out this questionnaire in English as
comple tely as possible. If you cannot read
or write in English, fill it out in Vietnamese:
xin điền vào sổ câu hỏi này đầy đủ bằng tiếng
Việt càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc
hoặc viết được Anh ngữ thì bằng tiếng Việt

Fill or send the completed
questionnaire to:
Lai Station, Hanoi
121 Station Hanoi
2 Thuan Thai Road
Bangkok Thailand 10140

A. Basic Identification Data / Lý lịch căn bản

- 1) Name
Họ, tên: NGUYỄN TRUNG THỦY
- 2) Other name
Họ tên khác: _____
- 3) Date, place of birth
Ngày, nơi sinh: JANUARY 27th 1968 SAIGON
- 4) Residence address
Địa chỉ thường trú: 120 CEX ĐÔNG ĐA WARD 20 DISTRICT 10 HO CHI MINH CITY
- 5) Mailing address
Địa chỉ thư: 185/24 3/2 STREET WARD 14 DISTRICT 10 HO CHI MINH CITY
- 6) Current occupation
Nghề nghiệp hiện tại: DRIVER TAYLOR

B. Relatives to accompany / Những người đi cùng

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (M) as follows: married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).)

(Ghi ý: Vợ chồng và con cái chưa kết hôn là những người đi cùng duy nhất. Ghi tình trạng gia đình như sau: kết hôn (M) ly dị (D) góa (W) hoặc độc thân (S).)

NAME Họ, tên	Date of Birth Ngày tháng năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Giới tính	Marital Status Tình trạng hôn nhân	Relationship Mối quan hệ
1. KIỀU THỊ BÓN	DECEMBER 16 th 1947	TÂN AN	F	M	MY WIFE
2. NGUYỄN TRUNG THANH TRANG	FEBRUARY 12 th 1963	NHA TRANG	M	S	MY SON
3. NGUYỄN NGỌC NGÀ	APRIL 14 th 1967	SAIGON	F	S	DAUGHTER
4. NGUYỄN KIỀU THU THỦY	MAY 17 th 1970	TÂN AN	F	S	DAUGHTER
5. NGUYỄN TRANG ĐẠI	FEBRUARY 12 th 1971	SAIGON	F	S	DAUGHTER
6. NGUYỄN TRUNG THỦY PHONG	JANUARY 1 st 1973	LONG AN	M	S	MY SON
7. NGUYỄN TRUNG KHÁNH	JANUARY 10 th 1974	GIA DINH	M	S	MY SON
8. NGUYỄN ĐẠI TRANG	SEPTEMBER 13 th 1974	SAIGON	F	S	DAUGHTER

(Note: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificate, marriage certificate (if married), divorce decrees (if divorced), spouse or death certificate (if widowed), identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below).

(Chú ý: Chúng tôi cần có bản sao rõ ràng của giấy sinh, giấy hôn nhân (nếu có), giấy ly hôn (nếu có), giấy chứng tử của vợ/chồng (nếu có), giấy/đăng ký hộ khẩu (nếu có) và ảnh. Nếu có người thân đi kèm không sống cùng nhà với bạn hiện tại, xin vui lòng ghi địa chỉ trong phần I).

E. Relatives Outside Nation of Origin/ Hò hàng ở nước ngoài

1) Close relative in the US

là em thân thuộc nhất ở Mỹ

a/ Name

họ và tên: MAI THI NGOC BICH

b/ Relationship

là em ruột của anh:

c/ Address

địa chỉ: LANHAM MD 20706

d/ Date of relative arrived in the US

ngày đến Mỹ: 1975

2) Close relative in other foreign countries

là em thân thuộc nhất ở nước khác

a/ Name

họ và tên: NGUYEN SAN HA

b/ Relationship

là em ruột của anh: YOUNG BROTHER

c/ Address

địa chỉ: QUEBEC AKH CANADA

F. People Daily Meeting (viên/đồng)
đang sinh tồn ở địa phương (ở quê)

1) Father

họ và tên: NGUYEN TRONG KHAN (Đ)

2) Mother

họ và tên: HO THI SUI (Đ)

3) Spouse

vợ/chồng: KIEU THI BON

4) Young spouse (if any)

vợ/chồng trẻ (nếu có): VO THI HOA

5) Children

con cái: NGUYEN TRONG THANH TRANG

NGUYEN THI LE TRINH

NGUYEN NGOC NGA

NGUYEN KIEU THU THUY

NGUYEN TRANG DAI

NGUYEN TRONG THU PHONG

NGUYEN TRONG XUAN

NGUYEN DAI TRANG

6) Siblings

anh chị em : NGUYỄN THỊ BA

NGUYỄN TRỌNG NIỆM

NGUYỄN TRỌNG PHÚ

E. Employment by US government Agencies or other US Organization of you or your spouse

Hợp tác với / công tác cho các cơ quan của Cơ quan An ninh

1) Employee Name

Tên nhân viên : NGUYỄN TRỌNG THU

2) Position title

Chức vụ : ASSISTANCE INSTRUCTOR

3) Employer/Company/Office

Đơn vị / Công ty / Văn phòng : BOZALEN CORPORATION (MACV)

4) Reason for separation

Lý do chấm dứt : _____

5) Length of employment

Thời gian làm việc : TH SEPTEMBER 1971 APRIL 1972

6) Name of American supervisor

Tên người giám sát Mỹ : _____

F. Service with GVN or ARVN by you or your spouse

Hợp tác với / công tác cho chính quyền Việt Nam

1) Name of person serving

Tên nhân viên phục vụ : NGUYỄN TRỌNG THU

2) Date

Ngày tháng năm : OCTOBER 3rd 1971 APRIL 30th 1975

3) Last rank

Chức vụ cuối cùng : CAPTAIN 61/105337

4) Institute/Office/Military Unit

Đơn vị / Văn phòng / Bộ phận : 534th AMMO DEPOT

5) Name of supervisor

Tên người giám sát : COLONEL TỬ NGUYỄN QUANG

6) Reason for separation

Lý do chấm dứt : 30-4-1975

7) Name of American Advisor

Tên người cố vấn Mỹ : _____

8) Principal reasons in Vietnam

Lý do chính tại Việt Nam : TRAISE - PRAISE/RA

- THE MIDDLE MANAGER'S WORKSHOP

9. US award or certificate:

Name of award: CERTIFICATE Date awarded: JUNE 23th 1972

(Note: please attach any copies of diploma, award or certificate if available)

(Ghi ý: xin kẹp kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen hoặc chứng thư nếu có)

Attach if available: không

10. Training outside Vietnam of you or your spouse

Học tập ở nước ngoài của bạn hoặc vợ/chồng:

- 1) Name of student/trainee
Tên học sinh/viên/người tập huấn: _____
- 2) School and school address
Trường và địa chỉ trường: _____
- 3) Date
Ngày, tháng, năm: from _____ to _____
of _____
- 4) Description of courses
Mô tả học tập: _____
- 5) Reason for training
Lý do tập huấn: _____

(Note: please attach copies of diploma or award, if available)

(Ghi ý: xin kẹp kèm theo văn bằng hoặc chứng thư nếu có)

11. Reduction of you or your spouse

Học tập giảm của bạn hoặc vợ/chồng:

- 1) Name of person in Reduction
Tên người tập huấn giảm: NGUYỄN TRUNG THU
 - 2) Time in Reduction
Thời gian học tập giảm: June 24th 1975 to JANUARY 17th 1982
 - 3) Still in Reduction
Vẫn còn học tập giảm: Yes No Other: X
- (If released, we must have copy of release certificate)
(Nếu được thả, chúng tôi cần có giấy chứng nhận)

12. Any additional remark / Ghi chú phụ khác

Signature
Chữ ký

Thu

Date: 16 Aug 88

Please list here all documents attached to this form
Xin liệt kê ở đây tất cả các tài liệu đính kèm

1 COPY OF RELEASE CERTIFICATE

FORM 10
6/84



Embassy of the United States of America

DATE: SEP 29, 89

IV: 52362

PA: NGUYEN TRONG THU

KHUC MINH THO

FAMILIES OF VN POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205 - 0635

Dear KHUC MINH THO

This is in response to your inquiry of JUN 21, 89
regarding the above mentioned ODP applicants.

This case is based on NGUYEN TRONG THU's 7 years in
reeducation.

Cases of former political prisoners who spent time in reeducation are being reviewed in order of the time spent in reeducation. Given the large number of this type of case on file with the ODP it is impossible to determine when this case might be reviewed. If, at the time of review, it meets all ODP requirements a Letter of Introduction (LOI) will be issued. If further documentation or explanation is required we will contact the U.S. sponsor or the principal applicant in Vietnam directly.

If anyone in the U.S. is eligible to file an IV petition for the individuals on this case and has not done so already, it is recommended that they do so. Our experience has been that the Vietnamese react more favorably to requests for emigration for cases of family reunification. Attached is information on the filing of petitions.

There will be no further action taken on this case until it is eligible for review.

If the applicants on this case should appear on a list of names presented by the Vietnamese indicating that they will be available for interview, their eligibility for the program will be considered at that time.

Please assure that ODP is kept apprised of any address or family composition changes relating to this case.

Sincerely,

U.S. Orderly Departure Program



Embassy of the United States of America

DATE: SEP 29, 89

IV: 52362

PA: NGUYEN TRONG THU

KHUC MINH THU

FAMILIES OF VN POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205 - 0635

Dear KHUC MINH THU

This is in response to your inquiry of JUN 21, 89 regarding the above mentioned ODP applicants.

This case is based on NGUYEN TRONG THU's 7 years in reeducation.

Cases of former political prisoners who spent time in reeducation are being reviewed in order of the time spent in reeducation. Given the large number of this type of case on file with the ODP it is impossible to determine when this case might be reviewed. If, at the time of review, it meets all ODP requirements a Letter of Introduction (LOI) will be issued. If further documentation or explanation is required we will contact the U.S. sponsor or the principal applicant in Vietnam directly.

If anyone in the U.S. is eligible to file an IV petition for the individuals on this case and has not done so already, it is recommended that they do so. Our experience has been that the Vietnamese react more favorably to requests for emigration for cases of family reunification. Attached is information on the filing of petitions.

There will be no further action taken on this case until it is eligible for review.

If the applicants on this case should appear on a list of names presented by the Vietnamese indicating that they will be available for interview, their eligibility for the program will be considered at that time.

Please assure that ODP is kept apprised of any address or family composition changes relating to this case.

Sincerely,

U.S. Orderly Departure Program

CONTROL

X. and
Request; Form
Release Order
Computer
Form "D"
ODP/Date
Membership; last

3/29/89